

**Phụ lục I**  
**BIỂU MẪU TỔNG HỢP, THỐNG KÊ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH**  
(Kèm theo Công văn số        /UBND-NVKS ngày    /4/2025 của UBND tỉnh)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**  
Thuộc phạm vi quản lý của Bộ ...../Được quy định tại văn bản của tỉnh Đắk Lắk<sup>1</sup>

**1. Tổng hợp số lượng về thủ tục hành chính**

| TT      | Lĩnh vực | Tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý | TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý |                                                    |                                        |                                 |          |           |        |              |
|---------|----------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------------------|----------|-----------|--------|--------------|
|         |          |                                    | Tổng số TTHC                                                            | Tổng chi phí tuân thủ TTHC <sup>2</sup> (hiện tại) | Tổng thời gian giải quyết của các TTHC | TTHC theo thẩm quyền giải quyết |          |           |        |              |
|         |          |                                    |                                                                         |                                                    |                                        | Cấp bộ                          | Cấp tỉnh | Cấp huyện | Cấp xã | Cơ quan khác |
|         |          |                                    |                                                                         |                                                    |                                        |                                 |          |           |        |              |
| Tổng số |          |                                    |                                                                         |                                                    |                                        |                                 |          |           |        |              |

**2. Danh sách chi tiết thủ tục hành chính**

| TT | Tên TTHC (và mã số TTHC) | Lĩnh vực | Cấp thực hiện | Đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Thời hạn có hiệu lực của kết quả giải quyết TTHC | Căn cứ pháp lý | Thời gian giải quyết | Tổng số đối tượng tuân thủ/năm | Chi phí tuân thủ TTHC <sup>3</sup> (hiện tại) |
|----|--------------------------|----------|---------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------|
|    |                          |          |               |                                                          |                                                  |                |                      |                                |                                               |

<sup>1</sup> Các ví dụ cụ thể về điền thông tin các biểu mẫu này đề nghị tham khảo tài liệu kèm theo.  
<sup>2</sup> Đơn vị tính: Triệu đồng  
<sup>3</sup> Đơn vị tính: Triệu đồng

*Lưu ý:*

- Thời gian giải quyết theo quy định của thủ tục hành chính tại văn bản quy phạm pháp luật. Trường hợp thủ tục hành chính có nhiều đối tượng hoặc trường hợp với thời gian giải quyết khác nhau thì thời gian giải quyết của thủ tục hành chính đó bằng trung bình cộng thời gian giải quyết của các đối tượng hoặc trường hợp.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính: Trường hợp thủ tục hành chính có nhiều đối tượng, trường hợp thì chi phí tuân thủ thủ tục hành chính là tổng chi phí tuân thủ của các đối tượng, trường hợp thực hiện thủ tục hành chính.

**DANH MỤC ĐIỀU KIỆN ĐẦU TƯ KINH DOANH**  
Thuộc phạm vi quản lý của Bộ .....

**1. Tổng hợp số lượng điều kiện kinh doanh**

| TT             | Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện | Lĩnh vực hoạt động | Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo hình thức giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận, chấp thuận (TTHC) | Số lượng điều kiện kinh doanh |
|----------------|--------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
|                |                                            |                    |                                                                                                                                    |                               |
|                |                                            |                    |                                                                                                                                    |                               |
| <b>Tổng số</b> |                                            |                    |                                                                                                                                    |                               |

**2. Danh mục chi tiết điều kiện kinh doanh**

| TT | Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện | Lĩnh vực hoạt động | Thủ tục hành chính | Điều kiện kinh doanh | Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá (nếu có) | Căn cứ pháp lý (ghi rõ điều, khoản, điểm của văn bản) |
|----|--------------------------------------------|--------------------|--------------------|----------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                                            |                    |                    |                      |                                                     |                                                       |
|    |                                            |                    |                    |                      |                                                     |                                                       |
|    |                                            |                    |                    |                      |                                                     |                                                       |

*Lưu ý cách thống kê điều kiện kinh doanh trong một số trường hợp như sau:*

- Mỗi khoản được tính là 01 điều kiện kinh doanh. Trường hợp khoản có chia thành các điểm thì mỗi điểm được tính là 01 điều kiện kinh doanh. Trường hợp trong khoản, điểm có nhiều trường hợp thì mỗi trường hợp được tính là 01 điều kiện kinh doanh.
- Trường hợp các khoản, điểm lại được quy định chi tiết thì tính điều kiện kinh doanh là tổng điều kiện kinh doanh các điểm, khoản quy định chi tiết.
- Trường hợp ngành nghề đầu tư kinh doanh được chia thành nhiều lĩnh vực, đối tượng thì tính điều kiện kinh doanh riêng cho từng lĩnh vực, đối tượng.

## DANH MỤC ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

**Đối với ngành, lĩnh vực không thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư**

### 1. Tổng hợp số lượng điều kiện kinh doanh

| TT             | Lĩnh vực hoạt động | Tổng số điều kiện kinh doanh | Tổng số TTHC | Số lượng Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá (nếu có) |
|----------------|--------------------|------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------|
|                |                    |                              |              |                                                              |
|                |                    |                              |              |                                                              |
| <b>Tổng số</b> |                    |                              |              |                                                              |

### 2. Danh mục chi tiết điều kiện kinh doanh

| TT | Lĩnh vực hoạt động | Điều kiện kinh doanh<br>(Điều kiện cá nhân, tổ chức phải đáp ứng khi thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh) | Thủ tục hành chính | Quy chuẩn, Tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá (nếu có) | Căn cứ pháp lý (ghi rõ điều, khoản, điểm của văn bản) |
|----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                    |                                                                                                             |                    |                                                     |                                                       |
|    |                    |                                                                                                             |                    |                                                     |                                                       |
|    | <b>Tổng số</b>     |                                                                                                             |                    |                                                     |                                                       |

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH**  
**Thuộc phạm vi quản lý của Bộ.....**

**1. Tổng hợp số lượng thủ tục hành chính, sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành**

| <b>TT</b>      | <b>Lĩnh vực</b> | <b>Số lượng sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành</b> | <b>Số TTHC kiểm tra chuyên ngành</b> |
|----------------|-----------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|                |                 |                                                          |                                      |
|                |                 |                                                          |                                      |
| <b>Tổng số</b> |                 |                                                          |                                      |

**2. Danh mục chi tiết**

| <b>TT</b> | <b>Lĩnh vực</b> | <b>Tên sản phẩm, hàng hóa</b> | <b>Mã số HS</b> | <b>Tên TTHC kiểm tra chuyên ngành</b> | <b>Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng để KTCN (nếu có)</b> | <b>Căn cứ pháp lý (ghi rõ điều, khoản, điểm của văn bản)</b> |
|-----------|-----------------|-------------------------------|-----------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
|           |                 |                               |                 |                                       |                                                                    |                                                              |
|           |                 |                               |                 |                                       |                                                                    |                                                              |

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH  
TẠI QUY CHUẨN KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN BẮT BUỘC ÁP DỤNG**  
Thuộc phạm vi quản lý của Bộ ...../Được quy định tại văn bản của Tỉnh....

**1. Tổng hợp số lượng thủ tục hành chính quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng**

| TT             | Lĩnh vực | Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật | Số lượng thủ tục hành chính | Số lượng TTHC đã được công bố, công khai | Số lượng TTHC chưa được công bố, công khai |
|----------------|----------|------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------|
|                |          |                                    |                             |                                          |                                            |
|                |          |                                    |                             |                                          |                                            |
| <b>Tổng số</b> |          |                                    |                             |                                          |                                            |

**2. Danh mục chi tiết**

| TT | Tên Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật | Tên thủ tục hành chính | Tình trạng công bố, công khai |                         | Căn cứ pháp lý (ghi rõ điều, khoản, điểm của văn bản) |
|----|------------------------------------|------------------------|-------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                                    |                        | Đã công bố, công khai         | Chưa công bố, công khai |                                                       |
|    |                                    |                        | Ghi rõ mã số TTHC             |                         |                                                       |
|    |                                    |                        |                               |                         |                                                       |

# **DANH MỤC THỐNG KÊ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CỦA DOANH NGHIỆP**

**Thuộc phạm vi quản lý của Bộ ..../Được quy định tại văn bản của Tỉnh .....**

| TT             | Tên chế độ báo cáo | Lĩnh vực | Tình trạng cung cấp báo cáo điện tử |              |                                                                          | Căn cứ pháp lý (ghi rõ điều, khoản, điểm quy định của văn bản) |
|----------------|--------------------|----------|-------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|                |                    |          | Chưa thực hiện                      | Đã thực hiện | Tên hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu để thực hiện chế độ báo cáo điện tử |                                                                |
|                |                    |          |                                     |              |                                                                          |                                                                |
|                |                    |          |                                     |              |                                                                          |                                                                |
| <b>Tổng số</b> |                    |          |                                     |              |                                                                          |                                                                |